

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 35

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng ban
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành. Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lê Nguyễn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 60752643/18592293-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.044.785.202.812	3.939.129.895.017
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	28.020.614.124	1.115.564.192.418
111	1. Tiền		28.020.614.124	85.564.192.418
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.030.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	1.938.638.796.102	1.908.683.477.301
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.949.434.564	3.949.434.564
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(310.638.462)	(265.957.263)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.935.000.000.000	1.905.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	1.012.607.763.117	864.990.622.028
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		340.115.351.565	199.257.732.702
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.734.116.084	1.987.502.967
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		689.057.980.185	678.506.755.353
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.299.684.717)	(22.761.368.994)
140	IV. Hàng tồn kho	6	14.779.787.602	12.684.808.273
141	1. Hàng tồn kho		14.779.787.602	12.684.808.273
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.738.241.867	37.206.794.997
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.857.485.119	1.061.457.970
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.443.055.495	35.660.617.618
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	9.437.701.253	484.719.409
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.517.577.701.395	2.490.545.203.145
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	27.669.942.362	24.969.729.602
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		19.604.707.562	19.604.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		8.065.234.800	5.365.022.040
220	II. Tài sản cố định		70.683.222.083	71.656.728.325
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	48.696.290.306	47.488.627.779
222	Nguyên giá		78.929.804.641	72.813.331.459
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.233.514.335)	(25.324.703.680)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	21.986.931.777	24.168.100.546
228	Nguyên giá		39.554.559.141	39.554.559.141
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.567.627.364)	(15.386.458.595)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	2.359.094.755.886	2.359.893.915.084
251	1. Đầu tư vào các công ty con		650.231.021.500	645.231.021.500
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		1.722.731.684.852	1.722.731.684.852
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(13.867.950.466)	(12.435.791.268)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		60.129.781.064	34.024.830.134
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	40.485.726.164	6.938.661.531
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	19.644.054.900	27.086.168.603
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.562.362.904.207	6.429.675.098.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		576.304.771.698	1.245.997.048.946
310	I. Nợ ngắn hạn		572.331.527.598	1.242.016.504.846
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	12.653.154.226	105.931.679.085
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		122.294.850	596.804.850
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.175.934.596	849.343.280.417
314	4. Phải trả người lao động		3.622.403.921	4.734.330.792
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	36.867.852.515	84.398.887.864
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.948.863.636	742.424.242
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	155.680.629.563	127.022.383.680
320	8. Vay ngắn hạn	16	349.210.618.451	53.755.338.076
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.049.775.840	15.491.375.840
330	II. Nợ dài hạn		3.973.244.100	3.980.544.100
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		3.973.244.100	3.980.544.100
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.986.058.132.509	5.183.678.049.216
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	4.986.058.132.509	5.183.678.049.216
411	1. Vốn cổ phần		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.959.478.509.838)	(1.958.647.136.362)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.119.620.541.539	1.316.409.084.770
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.110.747.943.770	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.872.597.769	1.316.409.084.770
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.562.362.904.207	6.429.675.098.162

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	213.264.191.468	114.511.719.888
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(2.013.824.544)	(5.903.512.471)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	18.1	211.250.366.924	108.608.207.417
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(162.507.919.220)	(103.063.620.931)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		48.742.447.704	5.544.586.486
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	62.670.610.602	6.697.121.293.884
22	7. Chi phí tài chính	20	(8.280.870.831)	(92.945.788.043)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.744.441.755)	(9.239.325.661)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(46.080.533.032)	(42.109.503.683)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(74.413.677.333)	(61.440.286.351)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.362.022.890)	6.506.170.302.293
31	11. Thu nhập khác	23	36.106.809.652	8.360.101.157
32	12. Chi phí khác	23	(2.430.075.290)	(2.983.219.800)
40	13. Lợi nhuận khác	23	33.676.734.362	5.376.881.357
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.314.711.472	6.511.547.183.650
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	(1.399.089.695.238)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.1	(7.442.113.703)	4.337.836.413
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		8.872.597.769	5.116.795.324.825

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		16.314.711.472	6.511.547.183.650
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9	7.089.979.424	5.795.165.894
03	Các khoản dự phòng		5.007.856.120	17.018.431.108
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.810.437.873	8.083.014.005
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(60.575.133.617)	(6.650.507.087.311)
06	Chi phí lãi vay	20	4.744.441.755	9.239.325.661
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(25.607.706.973)	(98.823.966.993)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(128.727.201.528)	44.645.291.703
10	Tăng hàng tồn kho		(2.094.979.329)	(4.701.256.072)
11	Giảm các khoản phải trả		(155.295.464.172)	(352.920.616.579)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.376.241.782)	3.960.944.866
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.356.495.323)	(6.282.160.835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(8.510.126.058)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.441.600.000)	(8.353.901.835)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(325.899.689.107)	(430.985.791.803)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(39.083.323.182)	(16.143.949.920)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	6.015.223.432
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(50.000.000.000)	(178.604.296.421)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		20.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(72.595.000.000)	(53.454.851.140)
26	Tiền thu hồi từ (thanh toán chi phí thanh lý) đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.456.154.048	(39.760.624.468)
	Thuế TNDN đã nộp trên lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào công ty con		(857.762.085.703)	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		142.201.380.374	138.254.971.798
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(848.782.874.463)	(143.693.526.719)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(831.373.476)	(517.013.608.200)
33	Tiền vay nhận được	16	386.687.030.142	1.548.581.016.634
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(93.036.749.767)	(738.478.513.873)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(205.674.483.750)	(235.058.622.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		87.144.423.149	58.030.272.061
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.087.538.140.421)	(516.649.046.461)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	1.115.564.192.418	2.187.452.484.159
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.437.873)	639.050.966
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	28.020.614.124	1.671.442.488.664


Trần Minh Nguyệt
Người lập


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng




Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido, trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô, ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 125 (31 tháng 12 năm 2015 là: 102).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong kỳ và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng	27.842.458.679	85.563.460.861
Tiền mặt	178.155.445	731.557
Các khoản tương đương tiền	-	1.030.000.000.000
TỔNG CỘNG	28.020.614.124	1.115.564.192.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	340.115.351.565	199.257.732.702
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	339.561.608.814	198.965.424.024
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	553.742.751	292.308.678
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.734.116.084	1.987.502.967
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	-	62.188.896
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.734.116.084	1.925.314.071
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	689.057.980.185	678.506.755.353
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex (*)</i>	481.345.573.417	473.750.573.417
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	63.989.166.667	27.793.194.444
<i>Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư</i>	62.685.833.794	62.685.833.794
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Tường An (**)</i>	60.000.000.000	-
<i>Cổ tức</i>	-	76.670.488.821
<i>Khác</i>	21.037.406.307	37.606.664.877
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	264.865.651.026	295.958.183.474
<i>Bên khác</i>	424.192.329.159	382.548.571.879
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.299.684.717)	(22.761.368.994)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.012.607.763.117	864.990.622.028

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận kế hoạch mua thêm cổ phần của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam ("Vocarimex") để tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex lên trên 51%. Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền tạm ứng cho việc mua thêm cổ phần của Vocarimex như kế hoạch đã trình bày. Chi tiết như sau:

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	187.635.222.000	187.635.222.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	134.743.665.932	134.743.665.932
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	110.107.200.000	110.107.200.000
Khác	48.859.485.485	41.264.485.485
TỔNG CỘNG	481.345.573.417	473.750.573.417

(**) Số dư thể hiện khoản tiền tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty tiếp tục tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt với số tiền là 378.000.000.000 VND cho mục đích mua cổ phần nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	22.761.368.994	11.033.773.213
Dự phòng trích lập trong kỳ	18.299.684.717	17.286.420.090
Sử dụng và hoàn nhập trong kỳ	(14.761.368.994)	(11.033.773.213)
Số cuối kỳ	<u>26.299.684.717</u>	<u>17.286.420.090</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Nguyên vật liệu	11.991.468.968	8.264.897.103
Hàng hóa	2.195.049.566	1.590.903.361
Công cụ, dụng cụ	593.269.068	690.839.847
Hàng mua đang đi trên đường	-	2.138.167.962
TỔNG CỘNG	<u>14.779.787.602</u>	<u>12.684.808.273</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	19.604.707.562	19.604.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	8.065.234.800	5.365.022.040
TỔNG CỘNG	<u>27.669.942.362</u>	<u>24.969.729.602</u>

511802
NG TY
HIỆM HỮU
T & YO
T NAM
R HỒ C

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá					
31 tháng 12 năm 2015	3.353.396.944	411.489.959	58.668.270.067	10.380.174.489	72.813.331.459
Mua mới trong kỳ	-	134.430.000	5.915.679.546	66.363.636	6.116.473.182
30 tháng 6 năm 2016	3.353.396.944	545.919.959	64.583.949.613	10.446.538.125	78.929.804.641
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	66.517.354	4.190.915.339	334.876.578	4.592.309.271
Giá trị hao mòn lũy kế					
31 tháng 12 năm 2015	1.591.325.456	308.049.320	21.346.043.690	2.079.285.214	25.324.703.680
Khấu hao trong kỳ	199.619.225	25.987.745	3.595.972.263	1.087.231.422	4.908.810.655
30 tháng 6 năm 2016	1.790.944.681	334.037.065	24.942.015.953	3.166.516.636	30.233.514.335
Giá trị còn lại					
31 tháng 12 năm 2015	1.762.071.488	103.440.639	37.322.226.377	8.300.889.275	47.488.627.779
30 tháng 6 năm 2016	1.562.452.263	211.882.894	39.641.933.660	7.280.021.489	48.696.290.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016	<u>39.554.559.141</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>30.900.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
31 tháng 12 năm 2015	15.386.458.595
Hao mòn trong kỳ	<u>2.181.168.769</u>
30 tháng 6 năm 2016	<u>17.567.627.364</u>
Giá trị còn lại	
31 tháng 12 năm 2015	<u>24.168.100.546</u>
30 tháng 6 năm 2016	<u>21.986.931.777</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

10.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
		<i>VND</i>		<i>VND</i>
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3.638.796.102		3.683.477.301
Cổ phiếu niêm yết	129.589	3.949.434.564	123.089	3.949.434.564
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(310.638.462)		(265.957.263)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		<u>1.935.000.000.000</u>		<u>1.905.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>1.938.638.796.102</u>		<u>1.908.683.477.301</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con (i)	650.231.021.500	645.231.021.500
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	1.722.731.684.852	1.722.731.684.852
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.367.000.000
TỔNG CỘNG	2.372.962.706.352	2.372.329.706.352
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.867.950.466)	(12.435.791.268)
GIÁ TRỊ THUẬN	2.359.094.755.886	2.359.893.915.084

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Tân An Phước	362.500.000.000	80,00	362.500.000.000	80,00
Công ty TNHH Một Thành viên Kido	247.559.771.500	100,00	247.559.771.500	100,00
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00
Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội	5.171.250.000	75,73	5.171.250.000	75,73
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido	5.000.000.000	100,00	-	100,00
TỔNG CỘNG	650.231.021.500		645.231.021.500	

Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

Công ty TNHH Một Thành viên Kido ("KIDO") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido ("KDF") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của công ty KDF là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội ("HTIC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của HTIC là kinh doanh thương mại các loại đồ ăn và thức uống.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 3 năm 2015. Hoạt động chính của KTS là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác.

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Vốn đầu tư	Tỷ lệ	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	1.050.000.000.000	50,00	1.050.000.000.000	50,00
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	421.505.599.984	24,00	421.505.599.984	24,00
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	251.226.084.868	20,00	251.226.084.868	20,00
TỔNG CỘNG	1.722.731.684.852		1.722.731.684.852	

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex"), trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương), cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.

Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam ("MKD") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004, và các điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MKD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Tiền thuê đất trả trước	32.966.850.000	-
Chi phí sửa chữa bảo trì	3.928.010.730	4.359.652.565
Khác	3.590.865.434	2.579.008.966
TOTAL	40.485.726.164	6.938.661.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	7.976.038.869	18.607.781.241
Công ty TNHH Truyền thông WPP	-	42.143.562.686
Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.677.115.357	45.180.335.158
TỔNG CỘNG	<u>12.653.154.226</u>	<u>105.931.679.085</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	31 tháng 12 năm 2015	Tăng	Giảm	30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 25.2</i>)	848.386.459.700	-	(857.762.085.703)	(9.375.626.003)
Thuế thu nhập cá nhân	956.820.717	10.000.942.510	(5.781.828.631)	5.175.934.596
Thuế khác	(484.719.409)	422.644.159	-	(62.075.250)
TỔNG CỘNG	<u>848.858.561.008</u>	<u>10.423.586.669</u>	<u>(863.543.914.334)</u>	<u>(4.261.766.657)</u>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	849.343.280.417			5.175.934.596
Thuế nộp thừa	(484.719.409)			(9.437.701.253)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Chi phí tiếp thị	24.887.967.471	32.177.938.337
Phí tư vấn tái cấu trúc	5.539.743.289	8.435.661.617
Lương tháng 13 và thưởng	5.410.419.353	6.712.164.896
Thuế do thay đổi mục đích sử dụng đất	-	34.594.000.000
Chi phí phải trả khác	1.029.722.402	2.479.123.014
TỔNG CỘNG	<u>36.867.852.515</u>	<u>84.398.887.864</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	146.869.512.567	117.977.411.879
Cổ tức phải trả	5.154.757.300	5.168.100.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.656.359.696	3.876.871.751
TỔNG CỘNG	<u>155.680.629.563</u>	<u>127.022.383.680</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY NGẮN HẠN

	31 tháng 12 năm 2015	Vay	Trả nợ vay	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái 30 tháng 6 năm 2016	VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	53.755.338.076	366.687.030.142	(93.036.749.767)	1.805.000.000	329.210.618.451
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 16.2)	-	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	53.755.338.076	386.687.030.142	(93.036.749.767)	1.805.000.000	349.210.618.451

16.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Ngân hàng	30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - bằng VND	171.037.199.636	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2016 đến ngày 27 tháng 11 năm 2016	6,2 - 6,8
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - bằng USD	111.375.000.000	Ngày 6 tháng 9 năm 2016	2,9
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - bằng VND	46.798.418.815	Từ ngày 13 tháng 10 năm 2016 đến ngày 22 tháng 12 năm 2016	6,3
TỔNG CỘNG	329.210.618.451		

16.2. Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Công ty có khoản vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Bên cho vay	30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
KIDO (Thuyết minh số 26)	20.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	7,0
	<u>25</u>		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển vốn chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						VND
31 tháng 12 năm 2014	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	51.162.916.267	995.172.211.913	6.015.267.929.521
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(347.657.251.200)	-	-	(347.657.251.200)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	5.116.795.324.825	5.116.795.324.825
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(235.161.141.000)	(235.161.141.000)
30 tháng 6 năm 2015	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.153.477.634.400)	51.162.916.267	5.876.806.395.738	10.549.244.862.146
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
31 tháng 12 năm 2015	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.958.647.136.362)	51.162.916.267	1.316.409.084.770	5.183.678.049.216
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(831.373.476)	-	-	(831.373.476)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	8.872.597.769	8.872.597.769
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(205.661.141.000)	(205.661.141.000)
30 tháng 6 năm 2016	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(1.959.478.509.838)	51.162.916.267	1.119.620.541.539	4.986.058.132.509

(*) Công ty đã trả cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 5 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>2.566.533.970.000</u>

17.3 Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2016	Số cổ phiếu 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ	(50.992.256)	(50.992.256)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.141	205.661.141

17.4 Cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức công bố trong kỳ	205.661.141.000	235.161.141.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	205.674.483.750	235.058.622.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Tổng doanh thu bán hàng hóa	213.264.191.468	114.511.719.888
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.013.824.544)	(5.903.512.471)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(2.013.824.544)</i>	<i>(5.049.353.409)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>-</i>	<i>(854.159.062)</i>
DOANH THU THUẦN	211.250.366.924	108.608.207.417
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>208.688.849.430</i>	<i>104.589.613.840</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>2.561.517.494</i>	<i>4.018.593.577</i>

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Lãi tiền gửi	54.897.409.597	58.170.608.098
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	5.573.724.020	6.359.498.614.719
Cổ tức và lợi nhuận được chia	104.000.000	274.909.593.951
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.095.476.985	4.542.477.116
TỔNG CỘNG	62.670.610.602	6.697.121.293.884

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.487.797.226	103.140.414.467
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(229.144.854)
Các khoản khác	20.121.994	152.351.318
TỔNG CỘNG	162.507.919.220	103.063.620.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	4.744.441.755	9.239.325.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.810.437.874	10.024.266.953
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.476.840.397	10.994.929.085
Phí tư vấn tài chính	-	16.103.996.863
Lỗi từ sáp nhập công ty con	-	43.878.726.766
Chi phí tài chính khác	249.150.805	2.704.542.715
TỔNG CỘNG	<u>8.280.870.831</u>	<u>92.945.788.043</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Quảng cáo và khuyến mãi	38.082.006.626	34.162.627.260
Lương nhân viên	6.357.219.023	3.841.630.206
Khác	1.641.307.383	4.105.246.217
TỔNG CỘNG	<u>46.080.533.032</u>	<u>42.109.503.683</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương nhân viên	24.396.394.147	18.972.478.041
Dịch vụ mua ngoài	23.080.641.309	13.690.524.837
Phí thuê và bảo trì	13.163.600.007	12.195.187.962
Khấu hao và hao mòn	7.006.642.691	5.762.268.518
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.538.315.723	6.252.646.877
Khác	3.228.083.456	4.567.180.116
TỔNG CỘNG	<u>74.413.677.333</u>	<u>61.440.286.351</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Thu nhập khác	36.106.809.652	8.360.101.157
Hoàn nhập thuế thay đổi mục đích sử dụng đất phải trả	34.594.000.000	-
Thu nhập khác	1.512.809.652	8.360.101.157
Chi phí khác	(2.430.075.290)	(2.983.219.800)
Tiền phạt	(2.101.467.377)	(406.102.373)
Chi phí khác	(328.607.913)	(2.577.117.427)
LỢI NHUẬN KHÁC	33.676.734.362	5.376.881.357

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí mua hàng hóa	162.507.919.220	103.292.765.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.172.277.138	51.829.081.580
Chi phí nhận công	30.743.710.026	22.196.879.970
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	7.089.979.424	5.795.165.894
Chi phí khác	17.488.243.777	23.499.517.736
TỔNG CỘNG	283.002.129.585	206.613.410.965

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.399.089.695.238
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	7.442.113.703	(4.337.836.413)
TỔNG CỘNG	7.442.113.703	1.394.751.858.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH nghiệp (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.314.711.472	6.511.547.183.650
Các điều chỉnh:		
Chi phí không liên quan đến thu nhập chịu thuế	16.723.676.606	46.129.132.644
Dự phòng các khoản đầu tư	1.432.159.198	10.994.929.085
Các khoản chi phí phải trả	(38.691.150.851)	10.732.746.654
Cổ tức nhận được	(104.000.000)	(274.909.593.951)
Khác	1.963.806.850	66.382.932
(Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế ước tính	(2.360.796.725)	6.304.560.781.014
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	-	1.399.089.695.238
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	848.386.459.700	4.721.240.021
Thuế TNDN từ sáp nhập kinh doanh	-	(213.820.608)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(857.762.085.703)	(8.510.126.058)
Thuế TNDN (nộp thừa) phải nộp cuối kỳ	(9.375.626.003)	1.395.086.988.593

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Các khoản chi phí phải trả	14.474.728.412	22.212.958.582	(7.738.230.170)	2.361.204.264
Dự phòng các khoản đầu tư	2.773.590.093	2.487.158.254	286.431.839	2.418.884.399
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Các khoản khác	795.736.395	786.051.767	9.684.628	(442.252.250)
TỔNG CỘNG	19.644.054.900	27.086.168.603	(7.442.113.703)	4.337.836.413

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	208.627.595.146	86.837.963.800
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu Phí gia công	92.487.415.770 1.946.252.840	39.863.776.380
Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS")	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư Phí giao dịch chứng khoán	60.000.000.000 670.188.916	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	32.318.969.446	-
KIDO	Công ty con	Vay mới	20.000.000.000	-
	Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	Phí thuê văn phòng	758.986.200	1.938.835.152
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	2.227.272.727	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Kido ("KDI")	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	60.815.392.877
MKD	Công ty liên kết	Cổ tức	-	114.909.541.851
	Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	Cho vay	-	30.000.000.000
		Bán hàng hóa	-	27.621.359.285
			-	16.995.338.150
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc ("NKD")	Công ty liên kết	Cổ tức	-	160.000.000.000
	Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	Trả nợ vay	-	90.000.000.000
			-	22.915.071.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
KDF	Công ty con	Bán hàng hóa	322.615.647.185	185.195.404.473
KDS	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	12.899.102.350	13.237.762.029
KDL	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	2.450.000.000	-
KIDO	Công ty con	Bán hàng hóa	1.596.859.279	532.257.522
			339.561.608.814	198.965.424.024
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
KIDO	Công ty con	Mua hàng hóa	-	62.188.896
Phải thu ngắn hạn khác				
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	247.635.222.000	187.635.222.000
KDS	Công ty liên quan	Chi hộ	16.462.654.547	16.462.654.547
MKD	Công ty liên kết	Chi phí dịch vụ	487.836.863	-
		Thanh lý tài sản	-	910.644.505
		Chi hộ	-	460.247.772
TAP	Công ty con	Chi hộ	279.387.616	279.387.616
NKD	Công ty liên kết	Chi hộ	550.000	550.000
KIDO	Công ty con	Cổ tức	-	76.670.488.821
		Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	13.538.988.213
			264.865.651.026	295.958.183.474
Phải trả người bán ngắn hạn				
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	(7.818.405.122)	(11.627.814.504)
KDF	Công ty con	Mua hàng hóa	(148.733.200)	-
KIDO	Công ty con	Mua hàng hóa	(8.890.536)	-
GHC	Công ty liên quan	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và phí gia công	(10.011)	(6.886.916.908)
KDS	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	-	(90.721.430)
MKD	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	(2.328.399)
			(7.976.038.869)	(18.607.781.241)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải trả ngắn hạn khác				
TAP	Công ty con	Giữ hộ vốn góp	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
KIDO	Công ty con	Mua công ty con Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	(30.000.000.000) (16.608.662.567)	- (13.577.735.627)
KDF	Công ty con	Chi hộ	(260.850.000)	(335.583.200)
KDI	Công ty liên quan	Chi hộ	-	(3.081.651.684)
MKD	Công ty liên kết	Chi hộ	-	(982.441.368)
			<u>(146.869.512.567)</u>	<u>(117.977.411.879)</u>

Vay ngắn hạn

KIDO	Công ty con	Vay ngắn hạn	<u>(20.000.000.000)</u>	-
------	-------------	--------------	-------------------------	---

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>9.269.530.000</u>	<u>9.247.842.500</u>

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	38.399.054.400	30.298.416.120
Từ 1 đến 5 năm	96.782.817.600	64.380.264.480
Trên 5 năm	48.457.698.401	40.259.713.336
TỔNG CỘNG	<u>183.639.570.401</u>	<u>134.938.393.936</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết với số tiền 375.895.943.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	59.710	75.090

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

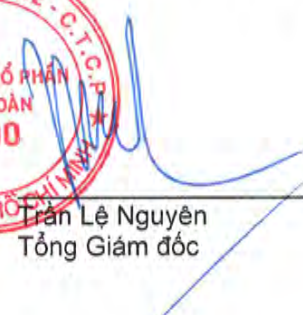
Ngoài sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 5, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

